TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2021/QĐST-HNGĐ	*Than Uyên, ngày 22 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đ T N, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Bản K, xã T M, huyện T U, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh H V V, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Bản K, xã T M, huyện T U, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đ T N và anh H V V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ T N và anh H V V thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con chung: Chị Đ T N và anh H V V có một con chung chưa thành niên là cháu H M C, sinh ngày 01/8/2014. Chị Đ T N và anh H V V thỏa thuận như sau:

Giao cho anh H V V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu H M C, sinh ngày 01/8/2014 cho đến khi cháu Cường thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh H V V không yêu cầu chị Đ T N cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị Đ T N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh V. Anh V có quyền yêu cầu chị N cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Chị Đ T N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Đ T N và anh H V V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ T N và anh H V V mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị là để chị Đ T N nộp toàn bộ số tiền án phí mà anh V phải nộp. Tổng cộng chị N phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2021/0000508 ngày 30/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị Đ T N được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tà Mung;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THADS huyện Than Uyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Giang Thị Vượng